

Số: 59/2020/TT-BTC

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2020

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo
đảm hoạt động trợ giúp pháp lý**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ hướng dẫn một số Điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động trợ giúp pháp lý.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động trợ giúp pháp lý.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan quản lý và tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý (Cục Trợ giúp pháp lý, Sở Tư pháp, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước). Sau đây gọi chung là cơ quan trợ giúp pháp lý nhà nước;

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý theo quy định.

Điều 2. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động trợ giúp pháp lý

1. Nguồn tài chính cho công tác trợ giúp pháp lý thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Luật Trợ giúp pháp lý ngày 20 tháng 6 năm 2017.

2. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan.

3. Kinh phí hoạt động của cơ quan trợ giúp pháp lý nhà nước phải được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng theo tiêu chuẩn chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, thực hiện chế độ báo cáo quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nội dung chi hoạt động trợ giúp pháp lý

1. Các khoản chi thanh toán cho cá nhân: Tiền lương, tiền công, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, nếu có) theo quy định hiện hành; các khoản chi theo chế độ của cán bộ công chức, viên chức quy định tại Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý (sau đây gọi là Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ) và các khoản thanh toán khác cho cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Chi thanh toán dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng; thông tin, liên lạc; sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản, trang thiết bị của đơn vị; mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định; chi mua sách, báo, tài liệu phục vụ công tác trợ giúp pháp lý; chi thuê mướn (nếu có).

3. Chi hội nghị sơ kết, tổng kết; tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi khen thưởng; chi đi công tác trong nước, chi các đoàn đi công tác nước ngoài và các khoản chi thường xuyên khác phục vụ hoạt động của cơ quan trợ giúp pháp lý nhà nước.

4. Các khoản chi liên quan đến nghiệp vụ trợ giúp pháp lý:

a) Chi thù lao thực hiện trợ giúp pháp lý đối với luật sư, cộng tác viên trợ giúp pháp lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 4 Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ;

b) Các khoản chi phí cho người thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện bằng hình thức tham gia tổ tụng, đại diện ngoài tổ tụng cần có thời gian thu thập chứng cứ hoặc xác minh làm rõ vụ việc thì được thanh toán chi phí phát sinh thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định tại Khoản 5 Điều 13 Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ gồm: Các khoản phí phải nộp theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và các chi phí hành chính khác phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện trợ giúp pháp lý (văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, chi phí liên lạc với người được trợ giúp pháp lý hoặc thân nhân của họ phục vụ trực tiếp cho việc thu thập chứng cứ hoặc xác minh làm rõ vụ việc trợ giúp pháp lý); chi công tác phí trong trường hợp đi công tác phục vụ giải quyết vụ việc trợ giúp pháp lý, xác minh người được trợ giúp

pháp lý trong trường hợp nhận được thông báo, thông tin của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

c) Chi thực hiện công tác thông tin, truyền thông về trợ giúp pháp lý; tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo chí), Cổng thông tin điện tử và các hình thức khác (biên soạn, in ấn, phát hành tờ gấp, hộp tin, bảng thông tin, tài liệu khác);

d) Chi dịch thuật từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và ngược lại phục vụ hoạt động trợ giúp pháp lý;

đ) Chi phiên dịch (dịch nói) từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số và ngược lại phục vụ hoạt động trợ giúp pháp lý; chi phiên dịch về ngôn ngữ trong trường hợp cần thiết khi người được trợ giúp pháp lý là người khuyết tật nghe, nói theo quy định tại Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

e) Chi tạo lập cơ sở dữ liệu tin học hoá phục vụ công tác trợ giúp pháp lý; chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động trợ giúp pháp lý;

g) Chi tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng trợ giúp pháp lý đối với người thực hiện trợ giúp pháp lý;

h) Chi biên soạn tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ trợ giúp pháp lý;

i) Chi thực hiện việc kiểm tra, đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý; chi lấy ý kiến luật sư có kinh nghiệm, chuyên gia pháp luật độc lập với cơ quan có thẩm quyền đánh giá vụ việc trợ giúp pháp lý và cơ quan thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý (không bao gồm trợ giúp viên pháp lý và cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước) tham gia đánh giá hoặc tư vấn đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý phức tạp theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý;

k) Chi hoạt động phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng; Chi các đoàn công tác phối hợp; chi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ; chi nghiên cứu, điều tra, khảo sát, tổ chức hội thảo, tọa đàm về công tác trợ giúp pháp lý trong hoạt động phối hợp liên ngành; chi kiểm tra, giám sát trong hoạt động phối hợp liên ngành; chi tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết; chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật phục vụ hoạt động trợ giúp pháp lý.

Điều 4. Mức chi

Đối với các chế độ, tiêu chuẩn, mức chi đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành, cơ quan trợ giúp pháp lý của nhà nước thực hiện theo đúng chế độ, định mức chi hiện hành của nhà nước. Thông tư này hướng dẫn thêm như sau: